

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: NHI KHOA

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8720106

Cần Thơ, năm 2022

BỘ Y TẾ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**TÊN NGÀNH: NHI KHOA
TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8720106**

Cần Thơ, năm 2022

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH.....	3
1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH.....	4
3. THÔNG TIN CHUNG.....	4
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	5
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	6
7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH.....	6
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	6
10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	8
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	9
12. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP.....	10
B. MÔ TẢ HỌC PHẦN.....	10
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	12
D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	19
E. PHỤ LỤC.....	22
PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	22
PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	23
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	24
PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	25
PHỤ LỤC 5: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27
PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN.....	36

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BM	Bộ môn
CB	Ký hiệu mã học phần của khoa Khoa học cơ bản
CĐR	Chuẩn đầu ra
CK	Chuyên khoa
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
ĐHYDCT	Đại học Y Dược Cần Thơ
NXB	Nhà xuất bản
HP	Học phần
LT	Lý thuyết
SM	Sứ mạng
TLGD	Triết lý giáo dục
TH	Thực hành
TC	Tín chỉ
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
YT	Ký hiệu mã học phần của khoa Y tế công cộng
YY	Ký hiệu mã học phần của khoa Khoa Y

Tiếng Anh

CLO	Chuẩn đầu ra khóa học
PO	Mục tiêu đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 4013/QĐ-ĐHYDCT ngày 29 tháng 12 năm 2022
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Luật Giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH¹

Chương trình đào tạo thạc sĩ Nhi khoa được xây dựng vào năm 2016, và đào tạo khoá đầu tiên năm 2017. Chương trình được cập nhật lần mới nhất năm 2020. Trưởng khoa Y quản lý chương trình và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Các dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Nhi khoa là hết sức cần thiết và đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và đã được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua.

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và thi kết thúc khoá học và đề án, trong đó: học phần chung 10 tín chỉ; học phần cơ sở 6 tín chỉ; học phần hỗ trợ 3 tín chỉ; học phần chuyên ngành 35 tín chỉ và đề án 6 tín chỉ.

Thời gian học tập trung trong 2 năm.

Khối lượng học tập: 60 tín chỉ.

Một tín chỉ lý thuyết = 15 tiết học trên lớp và 30 tiết tự học.

Một tín chỉ thực hành = 45 tiết.

Mỗi tiết giảng dạy trong 50 phút.

3. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình: Thạc sĩ Nhi khoa

Trình độ: Thạc sĩ

Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Y học - Nhi khoa

Mã ngành đào tạo: 8720106

Thời gian đào tạo: 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá)

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

¹ - Khái quát về quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT

- Số lượng khóa tuyển sinh, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp

- Những nét mới, thay đổi trong những lần rà soát, sự thay đổi phù hợp như thế nào với đặc điểm người học

- Tổng số tín chỉ cần phải tích lũy để hoàn thành chương trình, khái quát về quá trình đào tạo

Số tín chỉ yêu cầu: 60

Khoa quản lý: Khoa Y

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

Chứng nhận chất lượng: (không)

Website: <http://www.ctump.edu.vn>

<http://www.ctump.edu.vn/Default.aspx?tabid=820>

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO²

4.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ y tế có trình độ thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa có kiến thức vững, kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị được các bệnh lý nhi khoa thường gặp; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề mới tồn tại thuộc lĩnh vực nhi khoa từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp thích hợp; có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu, tự học vươn lên và có tinh thần trách nhiệm, phát huy phẩm chất, y đức trong thực hành nghề nghiệp.

4.2 Mục tiêu cụ thể

PO1. Có kiến thức sâu về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh về các bệnh nhi khoa.

PO2. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh lý nhi khoa thường gặp và một số bệnh lý nhi khoa khó.

PO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dự phòng và phát hiện sớm bệnh liên quan đến chuyên ngành.

PO4. Có khả năng đảm nhiệm công việc quản lý và giảng dạy kiến thức chuyên ngành nhi khoa, nghiên cứu độc lập tại các cơ sở, trường học có đào tạo chuyên ngành nhi khoa.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO³

PLO1. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ

² Tham khảo yêu cầu về mục tiêu CTĐT tại Điều 4, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

³ Tham khảo yêu cầu về chuẩn đầu ra tại Điều 5, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc văn bằng chứng chỉ tương đương. Vận dụng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

PLO3. Vận dụng khả năng tự học, tự nghiên cứu để thực hiện và phát triển các tiểu luận, đề án.

PLO4. Chẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý nhi khoa thường gặp, chẩn đoán định hướng một số bệnh lý nhi khoa khó.

PLO5. Xử trí đúng các trường hợp cấp cứu nhi khoa, xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu khó, phức tạp và chuyển tuyến trên kịp thời.

PLO6. Thực hiện thuần thục các thủ thuật cơ bản nhằm giúp chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nhi khoa thường gặp.

PLO7. Thành lập và quản lý được phòng khám chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng nhi khoa.

PLO8. Xây dựng các tổ chức cộng đồng để tuyên truyền nhằm dự phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu các bệnh lý nhi khoa thường gặp và sơ cứu ban đầu trong các tình huống cấp cứu.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Chương trình thạc sĩ:

TT	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ % trên tổng số tín chỉ của CTĐT
1	Phần kiến thức chung	10	16,7%
2	Phần kiến thức cơ sở	9	15%
3	Phần kiến thức chuyên ngành	35	58,3%
4	Phần đề án	6	10%
Tổng cộng		60	100%

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Hàng năm trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khung chương trình đã ban hành

TT	Tên học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
Học phần chung		10	9	1
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	4	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
Học phần cơ sở		9	5	4
1	Sinh lý	3	2	1
2	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	2	1
3	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2
Học phần chuyên ngành		35	14	21
1	Hồi sức-Cấp cứu Nhi	5	2	3
2	Tim mạch - Tâm thần Nhi	5	2	3
3	Hô hấp - Nhi khoa xã hội	5	2	3
4	Tiêu hoá - Dinh dưỡng	5	2	3
5	Thận - Huyết học	5	2	3
6	Nhiễm - Thần Kinh	5	2	3
7	Sơ sinh - nội tiết	5	2	3
Đề án		6	0	6
Tổng cộng		60	28	32

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết:
 - + Thuyết trình,
 - + Thảo luận nhóm,
 - + Báo cáo chuyên đề
 - + Lớp học đảo ngược
- Thực hành lâm sàng tại cơ sở thực hành:
 - + Dạy ca ngắn,
 - + Dạy ca dài,
 - + Chăm tay chỉ việc,
 - + Dạy học qua tình huống
 - + Dạy học bên giường bệnh

- + Giảng lâm sàng có minh họa người bệnh
- + Dạy-học dựa vào bằng chứng

9.2. Phương pháp học tập của người học

- Lý thuyết:

- + Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi
- + Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận
- + Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận
- + Nghiên cứu tài liệu, bài giảng, làm bài tập trước khi đến lớp

- Thực hành:

- + Trình bệnh, thảo luận ca lâm sàng đầu giường bệnh
- + Báo cáo ca lâm sàng, thảo luận lâm sàng
- + Lắng nghe, quan sát, thực hành
- + Thảo luận nhóm, động não, học dựa trên vấn đề
- + Khám bệnh và làm bệnh án
- + Nghiên cứu tìm hiểu bằng chứng, ra quyết định hành động

9.3. Phương pháp hướng dẫn tự học

- Tham khảo giáo trình và tài liệu tự học.
- Đặt câu hỏi.
- Giải quyết tình huống theo yêu cầu.
- Thảo luận nhóm.
- Học trên người bệnh, nghiên cứu ca lâm sàng.
- Soạn và báo cáo chuyên đề

10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

10.1. Lý thuyết

- Lượng giá quá trình:
 - . Làm pretest, câu hỏi ngắn,...
 - . Trắc nghiệm, câu hỏi ngắn
 - . Nghiên cứu tình huống
 - . Báo cáo chuyên đề
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm, câu hỏi tự luận

10.2. Thực hành

- Lượng giá quá trình: Bệnh án, tình huống lâm sàng, sổ tay nhật ký năng lực.
- Thi kết thúc học phần:
 - . Thi lâm sàng có bảng kiểm, Bệnh án vấn đáp

. Thi lâm sàng ca dài cải tiến, bệnh án, vấn đáp, thực hành thao tác, kỹ thuật.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm, với 6 học kỳ chính.

Học viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo qui chế đào tạo sau đại học theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021.

11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian và kế hoạch đào tạo

Trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần cho phép học viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường; Học viên trình độ sau đại học của Trường được đào tạo theo tín chỉ.

Thời gian thiết kế của chương trình đào tạo thạc sĩ Nhi khoa là học tập trung 2 năm bao gồm thi kết thúc tín chỉ và đề án.

Học viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo theo thứ tự: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành, thi kết thúc khoá học và đề án.

- Học phần chung: Triết học, Ngoại ngữ và Phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Học phần cơ sở: Sinh lý, Miễn dịch dị ứng lâm sàng.

- Học phần hỗ trợ: Chẩn đoán hình ảnh.

- Học phần chuyên ngành: Hồi sức Cấp cứu, Tiêu hoá - Dinh dưỡng, Tim mạch

- Tâm thần Nhi, Thận - Huyết học, Hô hấp - Nhi khoa xã hội, Sơ sinh - Nội tiết, Nhiễm - Thần kinh.

- Đề án.

11.3. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

a) Cuối mỗi học phần, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

11.4. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những học viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo bao gồm trình đề án.

12. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

Các viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp y tế; các khoa Nhi của các bệnh viện công lập và ngoài công lập.

B. MÔ TẢ HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả học phần
Phần kiến thức chung			
1	CB03011	Triết học	Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến đời sống của dân tộc Việt Nam, kiến thức nâng cao của Triết học Mác - Lênin và các chuyên đề thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.
3	CB01011	Ngoại ngữ chuyên ngành	Giới thiệu các chủ điểm liên quan đến y học cấp cứu, sản khoa, huyết học, da liễu, phẫu thuật, tim mạch, hô hấp, và thuốc. Trang bị cho người học từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập nhằm giúp người học sử dụng được ngoại ngữ trong học tập và nghiên cứu.
5	YT00031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

Phần kiến thức cơ sở			
1	YY04031	Sinh lý	Phân tích cơ chế phân tử của các hoạt động sinh lý của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng của chúng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường; đây là cơ sở sinh lý để giải thích các rối loạn chức năng cơ quan, làm nền tảng giải thích các trường hợp bệnh lý, tác dụng dược lý và ứng dụng vào lâm sàng
2	YY05031	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	Kiến thức nâng cao về các khái niệm miễn dịch học, đáp ứng miễn dịch và các bệnh lý miễn dịch lâm sàng
3		Chẩn đoán hình ảnh	
Phần kiến thức chuyên ngành			
1	YY18011 YY17191	Hồi sức cấp cứu	Cung cấp cho học viên kiến thức về các bệnh cấp cứu thường gặp để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, những phương pháp điều trị.
2	YY17171 YY17571	Tim mạch - Tâm thần Nhi	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh tim mạch, tâm thần cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị.
3	YY17281 YY17051	Hô Hấp - Nhi khoa xã hội	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh hô hấp cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị. Đồng thời biết xử lý lồng ghép các bệnh thường gặp tại cộng đồng.

4	YY17151 YY17511	Tiêu hóa-Dinh dưỡng	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh tiêu hoá dinh dưỡng cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị.
5	YY17111, YY17451	Thận-Huyết học	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh thận, huyết học nhi cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị.
6	YY17071, YY17351	Nhiễm Nhi-Thần kinh	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh nhiễm nhi, thần kinh cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị.
7	YY17101, YY17421	Sơ sinh-Nội tiết	Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh sơ sinh, nội tiết cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu giảng dạy

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình triết học – Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ</i> , Nxb. Chính trị	YCT.034728

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
		quốc gia Sự thật, Hà Nội	
2	Ngoại ngữ chuyên ngành II	Sam McCarter (2013), <i>Medicine I, Oxford university press</i>	YCT.028718
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bộ môn Dịch tễ học (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe</i> , Tài liệu giảng dạy sau đại học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	
4	Sinh lý	Nguyễn Trung Kiên, Trần Thái Thanh Tâm (2023), <i>Giáo trình Sinh lý học ứng dụng (Dùng cho học viên sau đại học)</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	GT.002223
5	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ, Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch (2021), <i>Giáo trình Miễn dịch dị ứng lâm sàng (dành cho học viên sau đại học)</i> , Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	GT.002188
6	Chẩn đoán hình ảnh	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ , Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh (2022), <i>Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh (sau đại học) - tập 1</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.	GT.002292
7	Hồi sức cấp cứu Nhi	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa</i> , NXB Y học.	YCT.025981
8	Tim mạch – Tâm thần nhi	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa</i> , NXB Y học.	YCT.025981
9	Hô hấp – Nhi khoa xã hội	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa</i> , NXB Y học.	YCT.025981
10	Tiêu hoá – Dinh dưỡng	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo</i>	YCT.025981

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
		<i>khoa Nhi khoa, NXB Y học.</i>	
11	Thận - Huyết học	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa, NXB Y học.</i>	YCT.025981
12	Nhiễm - Thần Kinh	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa, NXB Y học.</i>	YCT.025981
13	Sơ sinh - nội tiết	Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016), <i>Sách giáo khoa Nhi khoa, NXB Y học.</i>	YCT.025981

2. Tài liệu hướng dẫn tự học

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	Triết học	1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), <i>Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII</i> , tập I, II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	YCT.034799 YCT.034806
		2. Trần Thị Hồng Lê và Đinh Văn Phương (2021), <i>Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Cần Thơ	GT.002143
		3. Trần Thị Hồng Lê và Lương Thị Hoài Thanh (2021), <i>Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Cần Thơ.	GT.002139
		4. Johannes Hirschberger (Dương Anh Xuân, Thánh Pháp dịch) (2020), <i>Lịch sử Triết học – Triết học cận đại và hiện đại</i> , tập 1,2, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội	YCT.035665 YCT.035666
2	Ngoại ngữ chuyên ngành II	1. Chabner, D. E (2021), <i>The Language of Medicine, 11th.ed.</i> , Elsevier	YCTS.08712
		2. Cohen. B. J, DePetris. A (2017), <i>Medical Terminology: an illustrated guide</i> , Wolters	YCTS.06474

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
		Kluwer	
		3. Judi, L. N & Kelsey P. L (2019), <i>A short course in Medical Terminology</i> , 4 th .ed, Wolters Kluwer	YCTS.08054
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1. Nguyễn Văn Tuấn (2016), <i>Phân tích dữ liệu với R – lần thứ nhất</i> , Nhà xuất bản Tổng hợp, TP.HCM.	YCT.023808
		2. Nigel Bruce (2018), <i>Quantitative methods for health research: a practical interactive guide to epidemiology and statistics</i> , 2 nd ed, Wiley	YCTS.03947
		3. David Machin (2018), <i>Sample Sizes for Clinical, Laboratory and Epidemiology Studies</i> , 4th ed, Wiley-Blackwell	YCTS.07909
4	Sinh lý	1. Nguyễn Trung Kiên, Trần Thái Thanh Tâm (2022), <i>Giáo trình Sinh lý học</i> , NXB Y học, Hà Nội.	YCT.040099
		2. Bộ môn Sinh lý học, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), <i>Sinh lý học</i> , Nhà xuất bản Y học.	YCT.011202
		3. Phạm Thị Minh Đức (2019), <i>Sinh lý học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa</i> , NXB Y học, Hà Nội.	YCT.032056
		4. Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lệ (2020), <i>Sinh lý học Y khoa</i> , NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.	YCT.034891
		5. Guyton L, Hall J (2021), <i>Textbook of Medical Physiology</i> , Elsevier Saunders.	YCT.040955
		6. Linda S. Costanzo (2012), <i>Physiology Cases and Problems-Board Review Series</i> , Lippincott Williams & Wilkins, The Science of Review'M.	YCTS.00416
		7. Banasik JL (2019), <i>Pathophysiology</i> , Elsevier Saunders.	YCT.031282
		8. William F. Ganong (2012), <i>Review of Medical</i>	YCTS.07153

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
		<i>Physiology</i> , McGraw Hill.	
5	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	1. Đỗ Hoàng Long và Trịnh Thị Hồng Cửa (2021), <i>Dị ứng lâm sàng</i> , Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.	YCT.034756
		2. Bộ Y tế (2016), <i>Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng: Ban hành kèm Quyết định số 3942/QĐ/BYT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i> , Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.	YCT.024551
		3. Abul K. Abbas, Andrew H. Lichtman and Shiv Pillai (2016), <i>Basic immunology: functions and disorders of the immune system</i> , 5th.ed., Elsevier	YCT.026454
		4. A.Wesley Burk and J.Andrew Bird (2018), <i>Food allergy</i> , BMJ Publishing Group.	YCTS.03016
6	Chẩn đoán hình ảnh	1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ , Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh (2022), <i>Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh (sau đại học) - tập 2</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.	GT.002287
		2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ , Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh (2022), <i>Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh (sau đại học) - tập 3</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.	GT.002282
7	Hồi sức cấp cứu Nhi	1. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Bộ môn Nhi (2022), <i>Nhi khoa, Tập 3</i> , NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	YCTS.008959
8	Tim mạch – Tâm thần nhi	2. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Bộ môn Nhi (2022), <i>Nhi khoa, Tập 4</i> , NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	
9	Hô hấp – Nhi khoa xã hội		
10	Tiêu hoá – Dinh dưỡng	3. Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội (2020), <i>Bài giảng nhi khoa, Tập 1</i> , NXB Y học	

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
11	Thận - Huyết học	4. Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Bài giảng nhi khoa, Tập 2, NXB Y học.	YCT.033385
12	Nhiễm - Thần Kinh	5. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Bộ môn Nhi (2017), Bài giảng nhi khoa, giáo trình đại học, Nhà xuất bản y học	YCTS.008970
	Sơ sinh - nội tiết	6. Bệnh viện nhi đồng 1 (2020), Phác đồ điều trị nhi khoa 2020, Nhà xuất bản Y học	YCTS.008961
		7. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2019), Hướng dẫn điều trị Nhi khoa 2019, Nhà xuất bản Y học	YCT.035220
		8. Bệnh viện Nhi trung ương (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em, Nhà XB Y học	YCTS.008962
		9. Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch (2020), Phác đồ điều trị Nhi Khoa, Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	YCTS.008963
		10. Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ (2022), Phác đồ điều trị nhi khoa 2022, Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ	YCTS.008964
		11. Bạch Văn Cam, Phạm Văn Quang (2017), Sổ tay điều trị nhi khoa: Hướng dẫn điều trị các bệnh lý nhi khoa thường gặp, Nhà xuất bản Y học	YCTS.008965
		12. Helen K. Hughes (2018), The Harriet lane handbook, Elsevier	YCTS.008966
		13. Robert M. Kliegman (2020), Nelson Textbook of Pediatrics, Elsevier	YCTS.03574
			YCTS.05587

STT	Học phần	Tên tài liệu	Số đăng ký cá biệt
		14. Karl Disque (2021), PALS Advanced Cardiac Life Support, Satori Continuum Publishing <p style="text-align: right;">YCTS.008973</p> 15. Karl Disque (2021), ACLS Advanced Cardiac Life Support, Satori Continuum Publishing <p style="text-align: right;">YCTS.008972</p>	

D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bs CK2 Trương Ngọc Phước Ths GVC Phan Việt Hưng Ts Bùi Quang Nghĩa Ts Lê Văn Khoa PGS TS Nguyễn Ngọc Rạng	Hồi sức Cấp cứu Nhi		X		X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án
2 (TG)	Bs CK2 Trương Ngọc Phước Ts Nguyễn Văn Thống Bs CK2 Cao Thị Vui Bs CK2 Võ Thị Khánh Nguyệt Ths Bs Nguyễn Phước Sang	Tim mạch Tâm thần Nhi	HK II năm nhất	X		X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án

3	Ts Bs Bùi Quang Nghĩa Bs CK2 Nguyễn Thanh Hải Ts Lê Hoàng Sơn Ths GVC Phan Việt Hưng Ths Nguyễn Thị Thanh Nhân (TG)	Hồ Hấp Nhi Khoa xã hội	HK III năm nhất	X		X	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án
4	Ts Bs Lê Văn Khoa Ts Bs Lê Thị Thuý Loan Ts Bs Trần Quang Khải Ths Nguyễn Thị Nguyên Thảo (TG)	Tiêu hoá Dinh dưỡng	Học kỳ I, HK II năm hai	X		X	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án
5	Bs CK2 Cao Thị Vui Ts Bs Bùi Quang Nghĩa PGS Ts Nguyễn Minh Phương Ths Bs GVC Chung Hữu Nghị	Thận Huyết học	Học kỳ II năm hai	X		X	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án
6	Ts Bs Trần Quang Khải Ts Bs Lê Thị Thuý Loan PGS TS Nguyễn Thị Kiều Nhi PGS TS Nguyễn Thị Kim Nhi Ths Bs Trần Thị Huỳnh Như	Sơ sinh Nội tiết	Học kỳ II năm thứ 2	X		X	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án

	Bs CK2 Võ Thị Khánh Nguyệt							
7	Ba Ts Bs Trần Quang Khải PGS Nguyễn Ngọc Rạng Ths Bs GVC Nguyễn Thị Thu Ths Bs Nguyễn Thị Thanh Nhân (TG)	Nhiệm Thần Kinh		X		X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án

E. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG⁴

Bảng 1. Ma trận tương thích giữa POs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường

POs	PO1	PO2	PO3	PO4
TLGD, SM				
Trí tuệ	M	M	M	M
Y đức	R	R	R	M
Sáng tạo	M	M	M	M
Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao	M	M	M	M
Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ	M	M	M	M
Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	M	M	M	M

⁴- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG⁵

Bảng 2. Ma trận tương thích giữa PLOs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường

PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
TLGD, SM								
Trí tuệ	R	M	M	M	M	M	M	M
Y đức	M	I	R	M	M	M	M	M
Sáng tạo	I	M	M	R	R	R	M	M
Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao	I	M	M	M	M	M	M	M
Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ	I	M	R	R	R	R	R	R
Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	I	R	R	M	M	M	M	M

⁵ - Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,....;

- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA⁶

Bảng 3. Ma trận tương thích giữa POs và PLOs

POs \ PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
PO1	I	R	R	M	M	M	M	M
PO2	I	R	R	M	M	M	R	R
PO3	R	R	M	R	R	R	M	M
PO4	I	M	M	M	M	M	M	M

⁶ *Diễn giải các mức đánh giá

- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;
- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO⁷

Bảng 4. Ma trận tương thích học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

ST T	Tên học phần	Số tín chỉ	PLOs							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Triết học	3	M,A	I	R,A	-	-	-	-	I
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	I, A	M, A	R	-	-	-	-	-
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	I	I	M,A	I	I	I	I	R
4	Sinh lý	3	-	M	R	M,A	R	I	I	I
5	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	I	I	I	R	R	R	R	I
6	Chẩn đoán hình ảnh	3	I	R	I	M,A	M,A	I	I	I
7	Hồi sức-Cấp cứu Nhi	5	I	R	I	A	A	A	M	M
8	Tim mạch-Tâm thần Nhi	5	I	R	I	A	A	A	M	M
9	Sơ sinh - Nội tiết	5	I	R	I	A	A	A	M	M
10	Hô hấp - Nhi khoa xã hội	5	I	R	I	A	A	A	M	M
11	Thận - Huyết học	5	I	R	I	A	A	A	M	M

⁷ *Diễn giải các mức đánh giá

- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;
- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.
- Mức A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

12	Tiêu hoá - Dinh dưỡng	5	I	R	I	A	A	A	M	M
13	Nhiễm - Thần kinh	5	I	R	I	A	A	A	M	M
14	Đề án	06	I	R	M, A	R	R	R	R	R

PHỤ LỤC 5: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Các chương trình đang đào tạo tại trường ĐHYD Cần Thơ (Thạc sĩ ứng dụng):

<i>NGÀNH DA LIỄU</i>					<i>NGÀNH NỘI KHOA</i>					<i>NGÀNH NHI KHOA</i>				
T T	Tên học phần	Tín chỉ			T T	Tên học phần	Tín chỉ			T T	Tên học phần	Tín chỉ		
		TC	L T	T H			TC	L T	T H			TC	L T	T H
KIẾN THỨC CHUNG														
1	Triết học	3	3	0	1	Triết học	3	3	0	1	Triết học	3	3	0
2	Tin học	3	2	1	2	Tin học	3	2	1	2	Tin học	3	2	1
3	Ngoại ngữ CN1	4	4	0	3	Ngoại ngữ CN1	4	4	0	3	Ngoại ngữ CN1	4	4	0
4	Ngoại ngữ CN2	4	0	4	4							4	0	4
KIẾN THỨC CƠ SỞ														
1	Sinh lý	3	2	1	1	Sinh lý	3	2	1	1	Sinh lý	3	2	1
2	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	2	1	2	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	2	1	2	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	2	1

3	Sinh lý bệnh miễn dịch	3	2	1	3	Sinh lý bệnh miễn dịch	3	2	1					
KIẾN THỨC HỖ TRỢ														
1	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2	1	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2	1	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2
					2	Tâm thần	3	1	2					
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH														
1	Tim mạch	5	2	3	1	Tim mạch	5	2	3	1	Tim mạch – Tâm thần	5	2	3
2	Da liễu cơ bản	5	2	3	2	Hồi sức cấp cứu	5	2	3	2	Hồi sức – Cấp cứu	5	2	3
3	Bệnh da nhiễm trùng	5	2	3	3	Khớp	5	2	3	3	Nhiễm – Thần kinh	5	2	3
4	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	5	2	3	4	Tiêu hóa	5	2	3	4	Tiêu hóa – Dinh dưỡng	5	2	3
5	Bệnh da miễn dịch dị ứng	5	2	3	5	Hô hấp	5	2	3	5	Hô hấp – Nhi khoa xã hội	5	2	3

6	Bệnh da rối loạn sắc tố, biến dưỡng tăng trưởng	5	2	3	6	Thận	5	2	3	6	Thận – Huyết học	5	2	3
7	Da thâm mỹ	5	2	3	7	Nội tiết	5	2	3	7	Sơ sinh – Nội tiết	5	2	3
8	Tự chọn	3	3	0	8		3	0	3	8				
	Nội khớp													
	Bệnh phong													
9	HP cuối khóa	9	2	7	9									
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP														
1	Đề án	6	0	6	1	Đề án	6	0	6	1	Đề án	6	0	6
	TỔNG CỘNG	76	33	43		TỔNG CỘNG	60	28	32		TỔNG CỘNG	60	28	32

5.2. Các chương trình đang đào tạo ngành Nhi khoa trong/ngoài nước⁸

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ỨNG DỤNG NGÀNH NHI KHOA

Bảng so sánh kết cấu kiến thức toàn khóa học trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa định hướng ỨNG DỤNG của ba trường

TT	Nội dung	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ			ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI		
		Số tín chỉ			Số tín chỉ			Số tín chỉ		
Khối lượng học tập		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Kiến thức chung	10	9	1	5	5	0	7	7	0
2	Kiến thức cơ sở, hỗ trợ	9	5	4	8	6	2	8	6	2
3	Kiến thức chuyên ngành	35	14	21	35			33	17	16
4	Thực tập	-	-	-	6	0	6	-	-	-
5	Luận văn	-	-	-	-	-	-	12	12	0
6	Đề án	6	0	6	6			-	-	-
Tổng		60	28	32	60			60	42	18

⁸ Khoa thực hiện đối sánh CTĐT với CTĐT cùng ngành với các trường khác trong nước hoặc nước ngoài. Biểu mẫu chỉ mang tính chất tham khảo, ban biên tập có thể chỉnh lại để phù hợp với nội dung đối sánh

Bảng so sánh chi tiết học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa định hướng ỨNG DỤNG của ba trường

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ					Đại học Y Dược TP.HCM					Trường Đại học Y Hà Nội				
TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH				LT	TH				LT	TH
		1.1.Kiến thức chung												
1	Triết học	3	3	0	1	Triết học	3	3	0	1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành II	4	4	0	2	Ngoại ngữ	2	2	0	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	3						Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)			
										3	Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu	2	2	0
										4	Phương pháp giảng dạy đại học	2	2	0
										5	Dịch tễ học lâm sàng	2	2	0
1.2.Kiến thức cơ sở, hỗ trợ														
1	Sinh lý	3	2	1	1	Sinh học phân tử	2	2	0	1	Sinh lý bệnh	2	2	0
2	Miễn dịch dị ứng lâm sàng	3	2	1	2	Y đức – Xã hội học	2	2	0	2	Phôi thai học	2	2	0

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ					Đại học Y Dược TP.HCM					Trường Đại học Y Hà Nội				
TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH				LT	TH				LT	TH
3	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	3	Truyền nhiễm	4	2	2
					4	Thống kê y học	2	1	1					
1.3. Kiến thức chuyên ngành														
Phần bắt buộc (10 tín chỉ)														
1	Hồi sức – Cấp cứu Nhi	5	2	3	1	Hô hấp	4	1	3	1	Nhi khoa cơ bản	15	5	20
2	Tim mạch – Tâm thần Nhi	5	2	3	2	Tiêu hoá	4	1	3	2	Hồi sức cấp cứu – Sơ sinh – Thận – Nội tiết	6	4	2
3	Hô hấp – Nhi khoa xã hội	5	2	3	3	Cấp cứu	2	1	1	3	Hô hấp – Tuần hoàn – Tiêu hoá – Dinh dưỡng	6	4	2
4	Tiêu hoá – Dinh dưỡng	5	2	3						4	Huyết học – Thần kinh – Tâm thần – Truyền nhiễm	6	4	2
5	Thận – Huyết học	5	2	3		Phần tự chọn (15 tín chỉ)								
6	Tim mạch – Tâm thần	5	2	3	4	Hồi sức	4	1	3	5				

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ					Đại học Y Dược TP.HCM					Trường Đại học Y Hà Nội				
TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH				LT	TH				LT	TH
	Nhi													
7	Sơ sinh – Nội tiết	5	2	3	5	Tim mạch – Khớp	4	1	3	6				
					6	Sơ sinh	4	1	3	7				
					7	Huyết học	4	1	3	8				
					8	Chủng ngừa	2	1	1					
					9	Bệnh lý ngoại nhi	2	2	0					
					10	Dinh dưỡng Nhi khoa	3	1	2					
					11	Thông khí hỗ trợ	4	2	2					
					12	Đọc điện tâm đồ trẻ em	2	1	1					
					13	Tầm soát sơ sinh bệnh lý	3	1	2					

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ					Đại học Y Dược TP.HCM					Trường Đại học Y Hà Nội				
TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH				LT	TH				LT	TH
						nội tiết – rối loạn chuyển hoá								
					14	Thần kinh nhi	3	1	2					
					15	COVID-19 trẻ em	3	1	2					
THỰC TẬP														
					1	Siêu âm trong hồi sức cấp cứu Nhi khoa cơ bản	2	0	2					
					2	Hình ảnh học Xquang trong bệnh lý hô hấp, tiêu hoá trẻ em	2	0	2					
					3	Nội soi tiêu hoá trẻ em	2	0	2					

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ					Đại học Y Dược TP.HCM					Trường Đại học Y Hà Nội				
TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ		TT	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH				LT	TH				LT	TH
LUẬN VĂN														
										1	Luận văn tốt nghiệp	12	12	0
ĐỀ ÁN														
1	Đề án tốt nghiệp	6	0	6	1	Đề án tốt nghiệp	6	0	6					
	Tổng	60	21	39		Tổng	60				Tổng	67	31	36

PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN⁹

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA Y Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ

Khảo sát ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra, mục tiêu, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo học phần, hoạt động giảng dạy ngành Thạc sĩ Nhi khoa năm 2022

I. TỔNG QUAN KHẢO SÁT

Căn cứ theo kế hoạch số 2233 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo và đề cương học phần các chương trình đào tạo trình độ sa đại học.

Căn cứ kế hoạch số 09/KH.BMN.KY ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Bộ môn Nhi, Khoa Y về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Nhi khoa. Khoa Y tổ chức rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT ngành thạc sĩ Nhi khoa năm 2022.

1. Mục đích

- Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, năng lực cần đạt được khi tốt nghiệp của người học (CĐR).
- Công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường để: người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát;
- Thực hiện những cam kết của Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo để cán bộ quản lý, giảng viên và người học nỗ lực vươn lên trong giảng dạy và học tập;
- Nâng cao chất lượng quản lý đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập; đồng thời, xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập và tự học để đạt chuẩn đầu ra;

⁹ - Chương trình dự thảo cần có ý kiến phân hồi của giảng viên, cán bộ phục vụ giảng dạy, của người học, của các khoa/trung tâm liên quan tham gia giảng dạy vào CTĐT.

- Chương trình sau khi hoàn thiện cần có ý kiến phân hồi của nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực hành, đối tượng cựu sinh viên.

- Nên tập hợp theo các hình thức: bảng tổng hợp (từ khảo sát trực tuyến hoặc trực tiếp), biên bản họp, hội nghị.

- Tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động;

- Là cơ sở để công khai đến người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực về nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

2. Tổ chức khảo sát

2.1. Phạm vi và đối tượng khảo sát

- Thực hiện việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng, sử dụng lao động, cựu người học, học viên và giảng viên về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau đại học.

- Việc khảo sát ý kiến áp dụng cho tất cả chuẩn đầu ra và rà soát về chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Nhi khoa tại trường Đại học Y dược Cần Thơ.

2.2. Nội dung và công cụ khảo sát

- Các mẫu phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo quy định về tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục tại Thông tư 12/2017/BGDĐT và tiêu chuẩn chất lượng đào tạo tại Thông tư 04/2016/BGDĐT. Nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, sử dụng lao động và cựu học viên về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ngành thạc sĩ Nhi khoa năm 2022.

- Phiếu khảo sát ý kiến nhà sử dụng lao động và cựu học viên về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Nhi khoa được thiết kế với nội dung chính là 08 chuẩn đầu ra và nội dung chính của chương trình đào tạo.

+ Thang đánh giá:

Thang đánh giá gồm 5 bậc: 0. Rất kém. 1. Kém. 2. Trung bình. 3. Tốt. 4. Rất tốt

Hoặc 0. Không hài lòng. 1. Hài lòng ít. 2. Tạm chấp nhận. 3. Hài lòng. 4. Hoàn toàn hài lòng

+ Điểm trung bình của biến số = bậc 0*0,2 + bậc 1*0,4 + bậc 2*0,6 + bậc 3*0,8 + bậc 4*1

+ Mức độ đạt của biến số: dựa vào điểm trung bình: Yếu (<50), Trung bình (50-<65),

Khá (65-<80), tốt (80-85), Rất tốt (>85-90), Xuất sắc (>90).

- Phiếu khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo của chương trình đào tạo ngành cao học Nhi và các điều kiện hỗ trợ dạy – học năm 2022.

+ Hình thức đánh giá: nêu ý kiến hài lòng và ý kiến không hài lòng.

2.3. Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Khảo sát trực tuyến trên hệ thống khảo sát online (link google form) trong khoảng thời gian từ 25/10/2022 đến 30/10/2022 được thông báo trên website của Khoa Y và gửi email đường link đến tất cả ban cán sự các lớp nằm trong đối tượng khảo sát.

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống google biểu mẫu qua phần mềm văn phòng xử

lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thực trạng số người tham gia khảo sát

- Giảng viên: 06 cán bộ tham gia khảo sát
- Nhà tuyển dụng, cơ sở thực hành: 08 đơn vị tham gia.
- Cựu học viên tốt nghiệp năm 2022: 05 người tham gia

2. Kết quả đánh giá

2.1. Giảng viên

2.1.1. Thông tin chung

- Nam 66,7% và nữ 33,3%.
- Học vị: 100% tiến sĩ.
- Học hàm: 50% phó giáo sư.
- Số năm giảng dạy: 100% giảng dạy từ 5 năm trở lên
- Đơn vị công tác: 100% Khoa Y

2.1.2. Nội dung đánh giá

Mỗi giảng viên tham gia đánh giá được yêu cầu nêu 3 ý kiến hài lòng nhất (dựa trên 8 ý kiến được nêu sẵn trong phiếu khảo sát) về CTĐT. Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tiêu chí 1: Đánh giá chương trình đào tạo

STT	Đánh giá chương trình đào tạo	Hài lòng	Không hài lòng
1	Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mệnh của Trường và nhu cầu xã hội	5 (83,3%)	0
2	Chuẩn đầu ra của CTĐT được thiết kế rõ ràng	3 (50%)	1 (16,7%)
3	Các học phần cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT	0	1 (16,7%)
4	Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý	0	2 (33,3%)
5	Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học	2 (33,3%)	1 (16,7%)
6	Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý	2 (33,3%)	1 (16,7%)
7	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý	4 (66,7%)	1 (16,7%)

8	Triết lý giáo dục “Trí tuệ-Y đức-Sáng tạo” được vận dụng, lồng ghép trong mọi hoạt động đào tạo (nội dung dạy – học, lượng giá, phương pháp dạy học)	0	1 (16,7%)
---	--	---	--------------

Tiêu chí 2: Đánh giá hoạt động dạy - học

STT	Đánh giá chương trình đào tạo	Hài lòng	Không hài lòng
1	Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ rõ ràng, hợp lý, được phổ biến rộng rãi và kịp thời	5 (83,3%)	0
2	Lịch dạy-học được đảm bảo, đúng kế hoạch	3 (50%)	1 (16,7%)
3	Lịch kiểm tra đánh giá kết quả học tập (chuyên cần, thường xuyên, cuối kỳ, cuối khoá..) được đảm bảo, đúng kế hoạch	4 (66,7%)	0
4	Các phương pháp dạy-học của chương trình đào tạo giúp đạt được chuẩn đầu ra	1 (16,7%)	1 (16,7%)
5	Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo giúp đo lường được chuẩn đầu ra	1 (16,7%)	1 (16,7%)
6	Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đảm bảo tính minh bạch, công khai, công bằng	2 (33,3%)	0
7	Tài liệu dạy-học (giáo trình, sách...) đầy đủ, đáp ứng nhu cầu dạy-học	1 (16,7%)	2 (33,3%)
8	Vật liệu dạy-học đầy đủ, đáp ứng nhu cầu dạy-học	1 (16,7%)	2 (33,3%)
9	Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập	2 (33,3%)	1 (16,7%)

Tiêu chí 3: Các điều kiện hỗ trợ dạy - học

STT	Đánh giá chương trình đào tạo	Hài lòng	Không hài lòng
1	Phòng học (lý thuyết, thực hành), giảng đường được đảm bảo về âm thanh	2 (33,3%)	0
2	Phòng học (lý thuyết, thực hành), giảng đường được đảm bảo về ánh sáng	4 (66,7%)	1 (16,7%)
3	Phòng học (lý thuyết, thực hành), giảng đường được đảm bảo về độ thông thoáng	1 (16,7%)	2 (33,3%)
4	Chỗ ngồi của người học trong phòng học, giảng đường	1	1

	được bố trí phù hợp Phòng học, giảng đường đảm bảo về vệ sinh	(16,7%)	(16,7%)
5	Phòng học, giảng đường đảm bảo về an toàn cháy nổ.	4 (66,7%)	0
6	Bàn ghế, bục giảng, bảng viết của giảng viên được bố trí phù hợp	1 (16,7%)	0
7	Các phương tiện, thiết bị dạy- học được trang bị đầy đủ, hiện đại.	0	1 (16,7%)
8	Các thiết bị tin học trong phòng học, giảng đường được bố trí phù hợp và dễ sử dụng.	1 (16,7%)	2 (33,3%)
9	Chức năng của phần mềm quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu quản lý trong dạy-học	1 (16,7%)	1 (16,7%)
10	Hệ thống mạng có dây, không dây tại các giảng đường, phòng máy tính thực hành, thư viện hoạt động ổn định, truy cập nhanh.	1 (16,7%)	1 (16,7%)

Tiêu chí 4: Hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy – học

STT	Đánh giá chương trình đào tạo	Hài lòng	Không hài lòng
1	Trường tạo điều kiện để giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng các kỹ năng liên quan nghiệp vụ sư phạm (xây dựng CTĐT, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, phát triển tài liệu dạy-học, vật liệu dạy- học)	5 (83,3%)	0
2	Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn	5 (83,3%)	0
3	Trường tạo điều kiện cho GV trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học	3 (50%)	0
4	GV được tạo điều kiện để đảm bảo giờ giảng theo kế hoạch	2 (33,3%)	0 (16,7%)

2.2. Nhà sử dụng lao động

2.2.1. Thông tin chung

- Tổng số phiếu: 08
 - + Phiếu nhận xét của cơ sở thực hành: 04
 - + Phiếu nhận xét của nhà sử dụng lao động: 04
- Loại hình cơ quan: 100% nhà nước

2.2.2. Nội dung đánh giá

Có 8 nhà tuyển dụng tham gia khảo sát, mỗi nhà tuyển dụng và sử dụng lao động tham gia đánh giá được yêu cầu nêu ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo. Trong đó có 04 câu hỏi xin ý kiến được đánh giá theo thang đo và 03 câu xin ý kiến đóng góp cụ thể.

Rất phù hợp = phù hợp hoàn toàn, không cần chỉnh sửa thêm

Phù hợp = phù hợp, nhưng có thể cần chỉnh sửa một ít

Tương đối phù hợp = khoảng 50% nội dung là phù hợp

Ít phù hợp = nhiều nội dung chưa phù hợp, cần chỉnh sửa

Không phù hợp = hoàn toàn không phù hợp, cần thay thế hoặc loại bỏ

Kết quả khảo sát câu 1-4 từ ý kiến được thể hiện trong bảng dưới đây:

Câu	Nội dung đánh giá	Rất phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp
1	Mức độ phù hợp của mục tiêu, chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo so với yêu cầu yêu cầu tuyển dụng của đơn vị	8 100%	0	0	0	0
2	Nội dung các học phần trong chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu tuyển dụng của đơn vị	8 100%	0	0	0	0
3	Tỷ lệ về lý thuyết, thực hành trong chương trình đào tạo phù hợp	8 100%	0	0	0	0
4	Tỷ lệ về kiến thức cơ sở/hỗ trợ và kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo phù hợp	8 100%	0	0	0	0

Câu 5. Những thái độ, kỹ năng, kiến thức, môn học cụ thể nào cần bổ sung trong chương trình đào tạo

- Kiến thức và kỹ năng xử lý, phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học
- Kỹ năng tìm tài liệu tham khảo, đọc tài liệu chuyên ngành ngoại văn nâng cao chuyên môn trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhi
- Kỹ năng thực thi một số thủ thuật trong cấp cứu Nhi khoa.

Câu 6. Mức độ đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu lao động của đơn vị

Tất cả nhà tuyển dụng, sử dụng lao động đều đánh giá mức độ “Đạt” khi khảo sát về tính quan trọng, phù hợp của 8 chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa so với yêu cầu lao động của đơn vị.

Chuẩn đầu ra	Ngành	Đạt	Chưa Đạt	Ý kiến góp ý cụ thể
Số 1	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 2	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 3	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 4	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 5	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 8	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 7	CAO HỌC	8 (100%)	0	
Số 8	CAO HỌC	8 (100%)	0	

Câu 7. Đánh giá cụ thể của quý vị về các yếu tố sau của chương trình đào tạo: mục tiêu; chuẩn đầu ra; cấu trúc chương trình; số lượng tín chỉ; phân bố thời gian (cả khóa, từng năm học, từng học kỳ); nội dung các môn học; tỷ lệ lý thuyết/thực hành; tỷ lệ kiến thức cơ sở, hỗ trợ/chuyên ngành; hình thức đánh giá tốt nghiệp...

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình cụ thể
- Thời gian phân bố lý thuyết và thực hành hợp lý
- Số tín chỉ cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý
- Hình thức đánh giá tốt nghiệp lâm sàng giúp đo lường được chuẩn đầu ra

2.3. Cựu học viên

2.3.1.1. Khảo sát học viên về chương trình đào tạo và các hoạt động dạy-học

2.3.1.2. Thông tin cá nhân

- Số lượng: 05 học viên cao học
- Giới tính: Nam 80%, Nữ 40%
- Vị trí được bố trí: Bác sĩ điều trị 100%

2.3.1.3. Nội dung đánh giá

Mỗi cựu học viên tham gia đánh giá được yêu cầu đánh giá mức độ hài lòng về chương trình đào tạo và các hoạt động dạy-học theo 5 mức độ quy ước.

0: Không hài lòng hoặc Rất kém

1: Hài lòng ít hoặc Kém

2: Tạm chấp nhận hoặc Trung bình

3: Hài lòng hoặc Tốt

4: Hoàn toàn hài long hoặc Rất tốt

Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây:

Nội dung 1: Đánh giá nội dung chương trình đào tạo		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHYDCT	0	0	0	0	5 100%
2	Nội dung các chuẩn đầu ra của các CTĐT là rõ ràng (CĐR) (<i>*Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: người học biết và làm được gì sau khi kết thúc khóa học</i>)	0	0	0	0	5 100%
3	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp và phù hợp với yêu cầu xã hội	0	0	0	0	5 100%
4	Các học phần cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng để đáp ứng được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	0	0	0	0	5 100%
5	Các học phần giúp phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu	0	0	0	0	5 100%
8	Các học phần giúp phát triển các kỹ năng mềm (<i>*Kỹ năng mềm: giao tiếp, phối hợp làm việc nhóm, lập kế hoạch, phân tích, phản biện.....</i>)	0	0	0	0	5 100%
7	Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý, có sự phân bổ hợp lý giữa tỷ lệ lý thuyết và thực hành	0	0	0	0	5 100%
8	Khối “Kiến thức cơ sở/hỗ trợ” có các học phần phù hợp và có sự phân bổ hợp lý khối lượng học phần, tín chỉ so với toàn CTĐT	0	0	0	0	5 100%
9	Khối “Kiến thức chuyên ngành” có các học phần phù hợp và có sự phân bổ hợp lý khối lượng học phần, tín chỉ so với toàn CTĐT	0	0	0	0	5 100%

Nội dung 1: Đánh giá nội dung chương trình đào tạo		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
10	CTĐT phân bổ thời gian tự học vừa đủ	0	0	0	0	5 100%

Ý kiến góp ý cụ thể về nội dung chương trình đào tạo

Các học phần giúp nâng cao chuyên môn, kỹ năng cho người học

Nội dung 2: Đánh giá về tổ chức đào tạo và hoạt động dạy-học		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
11	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho người học trong học tập	0	0	0	0	5 100%
12	Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và đúng kế hoạch giảng dạy (<i>*Đúng lịch, đúng giờ, đảm bảo số giờ giảng, ...</i>)	0	0	0	0	5 100%
13	Giảng viên có năng lực chuyên môn tốt, cập nhật thông tin có giá trị thực tiễn	0	0	0	0	5 100%
14	Giảng viên có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp; giúp chuyển tải tốt thông tin, kiến thức, kỹ năng cho người học	0	0	0	0	5 100%
15	Giảng viên đã tạo điều kiện để người học tự học và tự nghiên cứu	0	0	0	0	5 100%
18	Các hoạt động dạy-học được thiết kế phù hợp để giúp người học đạt được CDR	0	0	0	0	5 100%
17	Tự đánh giá quá trình tự học của bản thân là hiệu quả	0	0	0	0	5 100%
18	Việc kiểm tra/đánh giá của các học phần trong khóa học là rõ ràng và phù hợp (<i>*Rõ ràng: Người học biết rõ tiêu chí kiểm tra/đánh giá các học phần; kết quả công bố cụ thể. Phù hợp: hình thức và nội dung kiểm tra/đánh giá đáp ứng đánh giá mức độ đạt</i>)	0	0	0	0	5 100%

Ý kiến góp ý cụ thể về tổ chức đào tạo và hoạt động dạy-học

Giảng viên nhiệt tình, phương pháp dạy dễ hiểu.

Nội dung 3: Đánh giá về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
CDR 1	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội	0	0	0	0	5 100%
CDR 2	Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin vào các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn	0	0	0	0	5 100%
CDR 3	Có khả năng thực hiện độc lập nghiên cứu khoa học, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện và phát triển nghề nghiệp	0	0	0	2 40%	3 80%
CDR 4	Chẩn đoán các bệnh lý thường gặp trong nhi khoa (theo phác đồ và hạng bệnh viện (III))	0	0	0	0	5 100%

Nội dung 3: Đánh giá về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
CDR 5	Xử trí cấp cứu thuộc chuyên ngành nhi khoa	0	0	0	2 40%	3 80%
CDR 8	Điều trị các bệnh lý thuộc chuyên ngành nhi. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản	0	0	0	1 20%	4 80%
CDR 7	Dự phòng các bệnh lý thuộc chuyên ngành nhi khoa.	0	0	0	2 40%	3 80%
CDR 8	Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình quản lý các bệnh lý chuyên ngành nhi	0	0	0	0	5 100%

2.3.2. Khảo sát học viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên 2021-2022

2.3.1.4. Thông tin cá nhân

- Số lượng người học khảo sát: 04
- Vị trí được bố trí: Bác sĩ điều trị 100%

2.3.1.5. Nội dung đánh giá

Mỗi cựu học viên lựa chọn một giảng viên (chọn tên trong danh sách) đóng góp ý kiến nhận xét. Học viên được thực hiện đánh giá nhanh để xem sự phù hợp của đối tượng được khảo sát trước khi tiến hành khảo sát về hoạt động dạy học của giảng viên. Bộ câu hỏi khảo sát sự phù hợp này gồm 03 câu hỏi:

Số buổi học viên đã học với Thầy Cô (buổi/tiết)

Loại hình giảng dạy của Thầy/Cô mà bạn đã học qua các buổi (chọn nhiều câu)

Các hình thức kiểm tra trong buổi học (chọn nhiều câu).

Về nội dung đánh giá, mỗi học viên thực hiện đánh giá 4 tiêu chí và chọn mức độ hài lòng theo thang cụ thể:

0: Không hài lòng hoặc Rất kém

1: Hài lòng ít hoặc Kém

2: Tạm chấp nhận hoặc Trung bình

3: Hài lòng hoặc Tốt

4: Hoàn toàn hài lòng hoặc Rất tốt

Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Nội dung	0	1	2	3	4
	Tiêu chí 1: Nội dung giảng dạy của giảng viên					
1	Thầy/cô giúp các bạn biết rõ chuẩn đầu ra của bài học (*Chuẩn đầu ra bài học: người học biết và làm được gì sau khi kết thúc bài)	0	0	0	1 25%	3 75%
2	Nội dung của bài học được phân bố hợp lý trong giờ học (*Phân bố thời gian hợp lý giữa nội dung trọng tâm và nội	0	0	0	1 25%	3 75%

	<i>dung ít trọng tâm)</i>					
3	Thầy/ Cô giúp người học liên kết/ ứng dụng nội dung bài học vào thực tiễn (<i>*Giảng viên/người học có nêu ví dụ minh họa, dẫn chứng...</i>)	0	0	0	1 25%	3 75%
4	Thầy/cô giúp người học phân tích các vấn đề, các sai sót, các lỗi thường gặp	0	0	0	0	4 100%
5	Thầy/cô giúp người học rèn luyện đạo đức, kỹ năng mềm và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu (<i>*Thầy/cô còn quan tâm giúp người học rèn luyện văn hóa, đạo đức, kỹ năng mềm: Tính tích cực, chủ động; KN giao tiếp, KN làm việc nhóm, đặt câu hỏi, tìm/nghiên cứu tài liệu...</i>)	0	0	0	0	4 100%
Tiêu chí 2: Phương pháp giảng dạy của giảng viên						
8	Thầy/ Cô nói nghe rõ, dễ hiểu; viết nhìn rõ	0	0	0	3 75%	1 25%
7	Thầy/ Cô sử dụng ngôn ngữ phù hợp (<i>*Ngôn ngữ nói, ngôn ngữ cơ thể)</i>	0	0	0	3 75%	1 25%
8	Vật liệu dạy học như bài trình chiếu, phim- ảnh, bảng viết, mô hình, mẫu vật, bệnh nhân giả, bệnh nhân thật... được sử dụng rõ ràng, giúp chuyển tải được kiến thức, kỹ năng cho người học	0	0	0	2 50%	2 50%
9	Thầy/ Cô phản hồi, giải đáp rõ ràng, kịp thời các thắc mắc của người học (<i>*Giải đáp cụ thể, nhanh các thắc mắc trước, trong và sau giờ học)</i>	0	0	0	2 50%	2 50%
10	Phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu	0	0	0	1 25%	3 75%
11	Người học được Thầy/ Cô hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cách tự học (<i>* Hướng dẫn nội dung tự học/ cách tự học/ tìm tài liệu tham khảo/....)</i>	0	0	0	3 75%	1 25%
Tiêu chí 3: Thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên						
12	Thầy/cô giảng dạy theo đúng thời khóa biểu (<i>* Đúng lịch/thông báo, nếu thay đổi lịch thì có thông báo trước và có dạy bù ...)</i>	0	0	0	1 25%	3 75%
13	Buổi học đảm bảo đúng giờ và đủ thời gian (<i>* Bắt đầu đúng giờ và kết thúc giờ học đúng thời lượng của bài)</i>	0	0	0	0	4 100%
14	Thầy/cô quản lý hiệu quả sĩ số lớp học trong suốt buổi học (<i>*Có thực hiện điểm danh, đảm bảo điểm danh khách quan, chính xác; theo dõi được tình hình/ sĩ số trong suốt buổi học...</i>)	0	0	0	0	4 100%
15	Thầy/cô giám sát và có xử trí các trường hợp người học vi phạm nội quy lớp học (<i>*Các vi phạm của người học như: đi trễ, làm chuyện riêng, trang phục không phù hợp, không</i>	0	0	0	1 25%	3 75%

	<i>mang bảng tên....)</i>					
18	Thầy/ cô trang phục phù hợp (<i>*Trang phục, bảng tên....)</i>	0	0	0	0	4 100%
Tiêu chí 4: Kết quả/đánh giá chung						
17	Thầy/ Cô giảng dạy dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, trực quan, tạo hứng thú học tập cho người học	0	0	0	2 50%	2 50%
18	Thầy/ Cô nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học	0	0	0	0	4 100%
19	Bạn hiểu rõ bài và đạt được chuẩn đầu ra của bài sau khi học	0	0	0	1 25%	3 75%

3. Kết quả khảo sát chung

3.1. Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (8 CDR)

Các nhà sử dụng lao động, cựu học viên đều đồng ý:

- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, rõ ràng
- Nội dung chuẩn đầu ra đảm bảo tính định lượng, có thể đo lường
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đa số đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp và phù hợp với yêu cầu xã hội.
- Các học phần cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng để đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

3.2. Về đánh giá chương trình đào tạo

- Mục tiêu và nội dung chương trình: các nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu học viên đồng ý
- + CTĐT có mục tiêu rõ ràng
- + Nội dung phản ánh được mục tiêu của chương trình
- + Phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý
- + Hoạt động giảng dạy gắn với định hướng nghề nghiệp
 - Quá trình kiểm tra, đánh giá: các nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu học viên đồng ý
- + Hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình
 - + Kết quả đánh giá được công bố kịp thời

2.4. Về hoạt động đào tạo học phần, giảng dạy

Nhà sử dụng lao động và giảng viên đề nghị:

- + Cần nâng cao hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh hoạt khoa học, báo cáo chuyên đề.
- + Các học phần chuyên đề trong chương trình Thạc sĩ Nhi khoa định hướng nghiên cứu cần được làm rõ, thể hiện sự khác biệt với các học phần chuyên ngành trước đó.
- + Thời gian học tập thực tế tăng cường tại các cơ sở bệnh viện cho phép học viên có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

III. KẾT LUẬN VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT

3.1. Kết luận

Nhằm phục vụ cho hoạt động điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa năm 2024, Bộ môn Nhi khoa Y đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm nhà sử dụng lao động, giảng viên, học viên, cựu học viên. Kết quả thu được từ các bên liên quan cho thấy:

+ Hầu hết các nội dung về chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo đều được đánh giá đồng ý với tỷ lệ rất cao, đạt mức từ rất tốt đến xuất sắc.

+ Về chương trình đào tạo, mức độ đồng thuận đạt tốt đến rất tốt. Tuy nhiên cần xem xét lại sự phân bổ học phần trong chương trình đào tạo và rà soát lại sự đáp ứng của học phần với chuẩn đầu ra, mục tiêu chương trình.

+ Về hoạt động đào tạo học phần, mức độ đồng thuận đạt tốt đến rất tốt. Tuy nhiên cần rà soát lại tỷ lệ phân bố giữa số tín chỉ lý thuyết và thực hành trong từng học phần.

+ Về hoạt động giảng dạy, tỷ lệ đồng thuận đạt mức tốt đến rất tốt. Cần làm rõ những điểm quan trọng trong hoạt động giảng dạy, thể hiện sự khác biệt trong đáp ứng chuẩn đầu ra giữa Thạc sĩ Nhi khoa nghiên cứu và ứng dụng, đồng thời cần tăng cường thời gian học tập thực tế tại các cơ sở bệnh viện.

3.2. Sử dụng kết quả khảo sát

- Khoa và Bộ môn rà soát, đánh giá và lựa chọn các ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo học phần, hoạt động giảng dạy cần chỉnh sửa, bổ sung.

- Cần có giải pháp lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động ở tuyến huyện, và các tuyến cơ sở khác.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Bùi Quang Nghĩa

Nơi nhận:

- Khoa;
- Đơn vị có liên quan.

Lưu: VP bộ môn.